



GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ BAN ĐÊM TẠI CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHẠM TIẾN DAT

Kinh tế ban đêm được coi là một công cụ mạnh để tăng sức hấp dẫn của thành phố, phát triển các dịch vụ, văn hóa và tạo ra nhiều việc làm cho người dân, đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách của địa phương cũng như của quốc gia. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, địa chính trị, địa kinh tế và địa quân sự hết sức trọng yếu, đây là lợi thế để Vùng phát triển kinh tế ban đêm. Trên cơ sở lý luận về kinh tế ban đêm, bài viết nhận diện những lợi ích và rủi ro mà kinh tế ban đêm mang lại, qua đó đề xuất các khuyến nghị để thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm ở các tỉnh Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Kinh tế ban đêm, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khả năng phát triển

NIGHTTIME ECONOMY IN THE MEKONG DELTA PROVINCES: CURRENT SITUATION AND DEVELOPMENT SOLUTIONS

Pham Tien Dat

The nighttime economy is considered a powerful tool to enhance the attractiveness of cities, develop services, culture, create jobs for residents, and contribute significantly to the local and national budget revenue. The Mekong Delta region is strategically important in terms of politics, economics, and military. It possesses the potential to develop the nighttime economy. Based on the theoretical framework of the nighttime economy, this article identifies the benefits and risks it brings and proposes recommendations to promote nighttime economic development in the Mekong Delta provinces.

Keywords: Nighttime economy, Mekong Delta, development potential

Ngày nhận bài: 7/9/2023

Ngày hoàn thiện biên tập: 14/9/2023

Ngày duyệt đăng: 21/9/2023

Đặt vấn đề

Kinh tế ban đêm (KTBD) được coi là một công cụ để tăng sức hấp dẫn, phát triển các dịch vụ, văn hóa và tạo ra nhiều việc làm cho người dân, đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách của địa phương cũng như của quốc gia. Theo một nghiên cứu của Ernst & Young (E&Y), ngành công nghiệp về đêm của Anh đã đóng góp khoảng 6% GDP với quy mô xấp xỉ 66 tỷ bảng, tạo ra hơn 1,25 triệu việc làm. Trong đó, riêng TP. London chiếm khoảng 40% về quy mô, tương đương 26,4 tỷ bảng và tạo ra việc làm trực tiếp cho 723.000 lao động. Dự báo,

đến 2026, có thể tăng thêm 1,63 tỷ bảng và tăng thêm 2 tỷ bảng/năm vào cuối thập kỷ, tạo ra thêm 66.000 việc làm cho người dân. Ở New York, KTBD đóng góp 10 tỷ USD cho ngân sách thành phố; Sydney, KTBD chiếm 3,8% nền kinh tế Australia và mang lại 10-16% công việc cho người dân thị trấn trung tâm thành phố, giá trị mà KTBD mang lại hàng năm khoảng 43 tỷ USD. KTBD cũng mang lại 36% doanh thu thương mại cho Berlin sau 6 giờ tối; Luân Đôn là 34%; Hồng Kông và San Francisco là 33%.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực KTBD cũng phải đối mặt với các vấn đề về an ninh, tệ nạn xã hội vào ban đêm. Do đó, nhiều chuyên gia khuyến cáo, để phát triển KTBD cần có một kế hoạch dài hạn, xây dựng các chính sách, cơ chế, quy hoạch cụ thể nhằm đảm bảo về an ninh, giảm thiểu tệ nạn, đồng thời tăng được lượng khách lưu trú lâu dài để tăng doanh thu.

Ở Việt Nam, tại các đô thị lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội... đã dần hình thành hoạt động KTBD, trong đó TP. Hồ Chí Minh nhộn nhịp nhất với nhiều hoạt động. Trước xu hướng phát triển KTBD trên thế giới và các hoạt động của KTBD đang dần hiện hữu ở nhiều địa phương cùng những lợi ích mà KTBD mang lại.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam. Quyết định đã yêu cầu các bộ, ngành, địa phương triển khai nghiên cứu theo chức năng, nhiệm vụ và chi định một số địa phương thực hiện thí điểm nhằm hai mục tiêu chính: thúc đẩy tiêu dùng nội địa và phát triển du



lich. Các căn cứ trên là tiền đề để phát triển kinh tế ban đêm ở các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, đưa ra những khuyến nghị về tính phù hợp và khả năng để phát triển KTBD ở các tỉnh này.

Một số vấn đề lý luận về kinh tế ban đêm

KTBD xuất hiện từ những năm 1970 và trở thành chủ đề nghiên cứu từ những năm 1990 đến nay (Bianchini, 1995; Wolifson và Drozdowski, 2017) nhưng vẫn không có khái niệm chính thức về KTBD.

Có quốc gia quan niệm KTBD theo nghĩa rộng, đó là tất cả các hoạt động xã hội, văn hóa và sản xuất diễn ra trong khung thời gian ban đêm (Andy Lovatt và Connor, 1995). Có quốc gia quan niệm theo nghĩa hẹp, là tập hợp các hoạt động của nền kinh tế văn hóa diễn ra ban đêm, chủ yếu là các hoạt động và trải nghiệm mang tính giải trí, bao gồm: các quán bar, sàn nhảy, cơ sở karaoke, nhà hàng, các địa điểm nhạc "sống" (trực tiếp) và các hình thức giải trí về đêm khác. Hoạt động KTBD chú trọng đến giải trí và lối sống, duy trì và phát triển văn hóa bản địa.

Mặc dù, có nhiều cách quan niệm, nhưng nhìn chung, phần lớn các nước đều quan niệm: KTBD là các hoạt động khi nền kinh tế ban ngày dừng lại, và do đó thời gian của KTBD bắt đầu từ 18h chiều hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

KTBD bao gồm rất nhiều hoạt động, tùy thuộc mỗi quốc gia có cách phân loại các hoạt động chủ đạo khác nhau, tuy nhiên đều tập trung vào các hoạt động văn hóa – xã hội và kinh doanh, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí của con người nhằm giải tỏa căng thẳng sau một ngày làm việc, đồng thời với đó là hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ cho người dân bản địa và khách du lịch.

KTBD là hoạt động hợp pháp được Nhà nước thừa nhận, thống kê và bảo hộ chính thức. Hoạt động KTBD có mô hình tổ chức quản lý riêng, có chiến lược, kế hoạch triển khai thực hiện riêng và có cơ chế, chính sách quản lý riêng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh cho hoạt động về đêm.

Hoạt động KTBD bao gồm các hoạt động đã diễn ra trong thời điểm ban ngày nhưng được chú trọng hơn vào ban đêm. Các hoạt động chính như: giải trí ban đêm, du lịch ban đêm, dịch vụ ẩm thực ban đêm và các hoạt động mua sắm. Do vậy, phát triển KTBD thường diễn ra ở các khu vực tập trung đông người như khu đô thị và khu du lịch.

Yêu cầu về lao động trong các hoạt động kinh tế

ban đêm đa dạng. Xuất phát từ việc các loại dịch vụ được trao đổi trong các hoạt động kinh tế về đêm rất đa dạng, do đó nhu cầu về lao động phục vụ cũng đa dạng, từ lao động trình độ thấp như nhân viên bảo vệ, nhân viên vệ sinh... đến lao động đã qua đào tạo như nhân viên pha chế đồ uống tại các quầy bar, câu lạc bộ đêm...

Bên cạnh các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh có giấy phép đăng ký hoạt động kinh doanh vào thời gian ban đêm thì tồn tại cả các cá nhân kinh doanh tự do, chưa được đăng ký chính thức, hay nói cách khác là ngoài tầm quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước và không được tính toán, thống kê trong hệ thống tài khoản quốc gia. Các bộ phận cấu thành của khu vực kinh tế chưa được quan sát hoạt động trong KTBD có thể là các hoạt động kinh tế bất hợp pháp; các hoạt động chưa được quan sát và hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong quá trình thu thập dữ liệu thống kê.

Vai trò và lợi ích, tiềm năng của phát triển kinh tế ban đêm

Phát triển KTBD với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, tạo nên sự an toàn, duy trì và cải thiện, phát triển các hoạt động văn hóa bản địa, cũng như tái cơ cấu lại các thành phố nhằm cải thiện hình ảnh trước đây, do đó KTBD có vai trò quan trọng đối với cả kinh tế và xã hội ở mỗi quốc gia. Nhiều nước cho rằng, KTBD là một phần không thể thiếu cho sự phát triển của các trung tâm thành phố. KTBD đã mang lại nhiều lợi ích, đặc biệt các hoạt động giải trí vào ban đêm giúp người dân thấy hạnh phúc, vui vẻ hơn và thành phố sống động hơn.

Một là, KTBD góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng nguồn thu cho NSNN của một thành phố, một quốc gia. Vai trò đối với kinh tế thể hiện rõ khi KTBD phát triển mạnh mẽ và sôi động có thể mang lại nhiều lợi ích về tăng nguồn thu cho một thành phố, một quốc gia đó nhờ vào việc thu hút thêm người dân, người lao động, khách du lịch đến để sử dụng, thưởng thức đa dạng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà KTBD cung cấp. Đây được xem là động lực chính để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ liên quan như thực phẩm, đồ uống, bán lẻ, vận tải, giải trí, lưu trú... Đầu tư vào thời gian về đêm có thể tạo nên nền kinh tế 24h vững mạnh, một chiến lược cho KTBD có thể tạo nên cơ chế thúc đẩy các thương hiệu địa phương, sự đa dạng và thị hiếu đối với các dịch vụ văn hóa và tiêu dùng các sản phẩm mang đặc trưng địa phương. Từ góc độ kinh tế, ban đêm được cho là mang lại nhiều cơ hội phát triển nhiều ngành nghề mới. Các



học giả Trung Quốc cho rằng, KTBD đang trở thành lực lượng sản xuất kinh tế mới và thúc đẩy sự phát triển các vùng/địa phương ở Trung Quốc.

Hai là, KTBD góp phần gia tăng những hiểu biết về xu hướng kinh tế vào ban ngày, cải thiện cơ sở hạ tầng cho địa phương. Là cơ hội phát triển liên mạch hơn nữa giữa ban ngày và ban đêm thông qua các hoạt động được xuyên suốt hoặc giao thoa giữa ban ngày và ban đêm. Sự lưu thông sản phẩm văn hóa và những trải nghiệm vào ban đêm đối với các ngành công nghiệp sáng tạo như thời trang, nghệ thuật, âm nhạc và những trải nghiệm từ lối sống xã hội thông qua các câu lạc bộ đêm, phòng trưng bày, buổi biểu diễn âm nhạc và các buổi trình diễn thời trang, các dịch vụ du lịch, giải trí và ẩm thực hoạt động ban ngày có thể góp phần kích thích nền kinh tế nói chung. Cùng với đó, KTBD còn là nguồn động lực trong việc tái tạo và đầu tư vào CSHT để có thể sử dụng 24h/ngày. KTBD giúp nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, đường xá, điện, nước, nhà hàng, cửa hiệu, nhà nghỉ... trong khu vực.

Ba là, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc phát triển các mô hình KTBD có thể thu hút ngành du lịch, dẫn đến tăng tỷ trọng ngành du lịch trong tổng GDP và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Kích thích phát triển các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ. KTBD tạo ra danh tiếng cho sản xuất công nghiệp cũng như nông nghiệp địa phương thông qua việc đáp ứng nhu cầu của khách du lịch về các sản phẩm thực phẩm, công cụ, thủ công mỹ nghệ hoặc đồ lưu niệm. Phát triển KTBD sẽ mang lại một lượng lớn khách du lịch quốc tế, mang ngoại tệ đến địa phương do đó cải thiện cán cân thanh toán thương mại.

Bốn là, KTBD góp phần gia tăng giá trị cho các ngành công nghiệp sáng tạo, góp phần tạo ra giá trị văn hóa tổng thể cho địa phương. Đêm cũng là không gian cơ bản để tăng cường giao tiếp xã hội và phát triển ý thức bản thân, đặc biệt là cho giới trẻ. KTBD còn là một công cụ nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng, khi mà các dịch vụ thường chỉ thấy vào ban ngày đã kéo dài thời gian hoạt động đến muộn hơn, giúp thu hẹp khoảng cách bằng cách thu hút được một lượng lớn người tham gia ở đa dạng các độ tuổi và nhân khẩu học. Ngoài ra, vì KTBD và lĩnh vực văn hóa đều có quan hệ mật thiết liên quan đến mức độ hoạt động tiêu dùng và số lượng lao động sáng tạo làm việc vào ban đêm, nên KTBD phát triển cũng góp phần đảm bảo các điều kiện làm việc an toàn cho các ngành công

ng nghiệp sáng tạo như phim ảnh, âm nhạc, xuất bản và thiết kế... đều là những ngành hoạt động suốt ngày đêm và là chìa khóa thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới của địa phương (Currid, E., 2007).

Năm là, KTBD góp phần tạo việc làm cho người lao động, từ đó gia tăng thu nhập, nâng cao đời sống. Theo dự báo của Liên hợp quốc (UN), đến năm 2050, hơn 80% dân số thế giới sẽ sống ở khu vực thành thị, điều này có thể được coi là một thách thức nhưng là một cơ hội. Để tạo ra thêm nguồn lương thực, nhà ở phục vụ cho việc tăng dân số, cần phải nâng cao năng suất trên cùng một diện tích. Nhưng trong bối cảnh chung các thành phố đều không thể phát triển lên cao hơn (không gian trên bầu trời) hoặc thấp hơn (dưới mặt đất), nên chỉ có thể phát triển thông qua sử dụng thời gian. Khai thác sử dụng nhiều hơn đối với thời gian về tối, về đêm sẽ tạo thêm việc làm, hỗ trợ gắn kết cộng đồng và hỗ trợ hòa nhập xã hội (Andreina Seijas, 2018).

Sáu là, KTBD phát triển cũng đảm bảo phúc lợi và sức khỏe của cư dân, vì các hoạt động của KTBD là nơi họ có thể gặp gỡ, giao lưu, trải nghiệm và thư giãn sau những giờ làm việc hành chính nhiều áp lực. Phát triển KTBD với độ an toàn cao sẽ mang lại nhiều lợi ích cho người dân, doanh nghiệp, cải thiện đời sống văn hóa xã hội. Phát triển KTBD giúp xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân địa phương.

Bảy là, KTBD giúp các doanh nghiệp có thêm cơ hội phát triển, tăng lợi nhuận thông qua tham gia vào cung ứng các hoạt động KTBD. Không chỉ có các doanh nghiệp lớn, mà các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cũng có cơ hội để tham gia vào hoạt động KTBD. KTBD còn giúp tăng cường sự hợp tác về kinh tế giữa Nhà nước và tư nhân thông qua các hoạt động đầu tư, huy động vốn vào các ngành, lĩnh vực hoạt động vào ban đêm, dịch vụ công cộng mà không cần 100% sự can thiệp của Nhà nước.

Một số rủi ro khi phát triển kinh tế ban đêm

Mặc dù, KTBD đã mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội cho mỗi quốc gia, mỗi địa phương, tuy nhiên phát triển KTBD cũng kéo theo nhiều tác động tiêu cực nếu không được quy hoạch và quản lý tốt. Gia tăng các hành vi bạo lực, chống đối, các hành vi vi phạm pháp luật ở các khu vực diễn ra hoạt động KTBD do uống rượu, buôn bán ma túy, trộm cắp, cướp bóc... Gia tăng chi phí cung cấp dịch vụ công, tăng chi ngân sách địa phương như các chi phí về chăm sóc sức khỏe, ô nhiễm tiếng ồn,



ánh sáng; chi phí cho việc đảm bảo an ninh, trật tự, giải quyết các vấn đề do bạo lực đêm khuya gây ra. Ngân sách địa phương sẽ phát sinh thêm các khoản mục chi phí liên quan, như: giám sát việc thực thi và tuân thủ các giấy phép về kinh doanh công cộng và giải trí; lắp đặt hệ thống giám sát camera; bộ phận dịch vụ vệ sinh môi trường... Một bộ phận cư dân sinh sống ở khu vực tổ chức hoạt động KTBD cũng chịu chi phí đáng kể về xã hội và cảm xúc, sức khoẻ.

Tiềm năng phát triển kinh tế ban đêm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là phần cuối cùng của châu thổ, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, bao gồm địa phận 13 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương là Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau. Tổng diện tích 40,6 nghìn km²; dân số vùng khoảng 17,5 triệu người, chiếm gần 18% dân số cả nước. Đồng bằng sông Cửu Long được giới hạn bởi (a) phía Bắc là biên giới Việt Nam-Campuchia; (b) phía Tây là biển Tây; phía Đông là biển Đông; (c) phía Đông-Bắc là sông Vàm Cỏ Đông và TP. Hồ Chí Minh.

Là vùng cực Nam của Tổ quốc, ĐBSCL là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, địa chính trị, địa kinh tế và địa quân sự hết sức trọng yếu đối với cả nước; có chuỗi đảo quan trọng kiểm soát tuyến đường biển Thái Bình Dương qua Biển Đông nối với Ấn Độ Dương.

Vùng ĐBSCL có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển; là một trong những đồng bằng lớn nhất, phì nhiêu nhất ở Đông Nam Á và thế giới; là vùng sản xuất và xuất khẩu lương thực, thực phẩm, thủy hải sản và trái cây lớn nhất của cả nước; đóng góp khoảng 50% sản lượng lúa, 95% lượng gạo xuất khẩu, gần 65% sản lượng thủy sản nuôi trồng, 60% lượng cá xuất khẩu và gần 70% các loại trái cây của cả nước; là khu vực có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và nhiều vườn cây, rừng cây rộng lớn, với 4 khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên. Vùng cũng có nhiều tiềm năng về dầu khí và năng lượng tái tạo, như: năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều...

Đặc điểm địa lý, kinh tế, xã hội của vùng ĐBSCL vừa là điểm mạnh, vừa là điểm yếu, cơ hội cũng như thách thức cho việc phát triển KTBD. Cụ thể:

Điểm mạnh lớn nhất của vùng ĐBSCL là đặc điểm địa lý, văn hoá, xã hội. Với lợi thế là một

trong những đồng bằng lớn, phì nhiêu, có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và nền văn hoá đa dạng bản sắc là địa bàn sinh sống, gắn bó, đoàn kết lâu đời của cộng đồng các dân tộc: Việt, Khơ Me, Hoa, Chăm... với những nét văn hoá hết sức đặc thù và nền văn minh sông nước độc đáo, như giao thông chủ yếu sử dụng ghe, thuyền; các điểm quần cư nông thôn gắn liền với hệ thống kênh rạch, sống chung với lũ và phương thức khai thác các sản vật mùa khô và mùa nước nổi... có thể khai thác để phát triển du lịch.

Vùng ĐBSCL có đô thị lõi có thể phát triển KTBD là TP. Cần Thơ và Kiên Giang (Đảo Phú Quốc). KTBD ở TP. Cần Thơ trong những năm qua đã được hình thành dựa trên nhu cầu và tập trung ở các hoạt động dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 22 giờ; các tụ điểm karaoke, quán bar... hoạt động tới 3 giờ sáng. Cầu đi bộ tại Bến Ninh Kiều và tuyến phố đi bộ, ẩm thực Hai Bà Trưng dài hơn 800m. Bên cạnh đó, Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 9/9/2022 của UBND TP. Cần Thơ phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển KTBD trên địa bàn TP. Cần Thơ với mục tiêu nhằm tạo ra sản phẩm dịch vụ đa dạng, hấp dẫn, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí vào ban đêm cho cư dân thành phố, khu vực ĐBSCL và khách quốc tế có lộ trình thực hiện giai đoạn 2022-2024 thí điểm tại quận Ninh Kiều... Đối với Phú Quốc, khu trung tâm Dương Đông, Làng chài Hàm Ninh chuyên ẩm thực, các quán cà phê, bar bãi biển, các khu chợ đêm, khu công viên VinWonder Phú Quốc... là những hoạt động của KTBD đang được triển khai phục vụ khách du lịch đến Đảo. Với hai mô hình KTBD của hai tỉnh trong Vùng sẽ là điều kiện thuận lợi để tạo ra nền KTBD vùng lõi, giúp cho các tỉnh xung quanh thuộc ĐBSCL cùng phát triển.

Tuy nhiên, xét về thách thức và điểm yếu để phát triển KTBD ở vùng ĐBSCL cũng không nhỏ.

Thứ nhất, vùng ĐBSCL từ trước đến nay là vùng sản xuất và xuất khẩu lương thực, thực phẩm, thủy hải sản và trái cây lớn nhất của cả nước. Do đó, việc tập trung vào thế mạnh về sản xuất nông nghiệp là quan trọng và thuận lợi hơn so với chuyển hướng tập trung vào phát triển KTBD. Theo thống kê, cơ cấu kinh tế theo ngành của ĐBSCL từ 2016 đến nay không có sự dịch chuyển đáng kể, tỷ trọng khu vực công nghiệp tăng nhẹ từ 25% lên khoảng 27%, trong đó nông nghiệp vẫn đóng góp 1 điểm % vào tăng trưởng (năm 2021); thu nhập của vùng chủ yếu dựa vào thủy sản và nông nghiệp. Năm 2021, xuất siêu của Vùng đạt



khoảng 8 tỷ USD, trong khi cả nước xuất siêu 4 tỷ USD, do các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Vùng đều là hàng hoá nông sản, thủy hải sản thiết yếu.

Thứ hai, chất lượng cơ sở hạ tầng thương mại, thông tin, nguồn lao động và sự phát triển của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh còn hạn chế. Hạ tầng thương mại của Vùng ĐBSCL chưa hiện đại. ĐBSCL chỉ có 9,4% số siêu thị và 11,6% trung tâm thương mại trong khi chiếm tới 19,3% số lượng chợ dân sinh trong cả nước (tính đến năm 2020). Các siêu thị và trung tâm thương mại chỉ tập trung tại khu vực thành thị, phục vụ khoảng 26% dân số toàn Vùng. Thương mại điện tử chậm phát triển, chủ yếu tập trung ở khu vực đô thị. Điều này tương thích với quy mô thương mại nhỏ, tổ chức thương mại - dịch vụ đơn giản với sự chi phối của kinh tế hộ gia đình và mạng lưới tiêu thương trải khắp Vùng.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng giao thông là điểm yếu và thách thức đối với phát triển kinh tế của Vùng ĐBSCL nói chung và phát triển KTBD của Vùng nói riêng. Hạ tầng đường bộ là một điểm nghẽn cơ bản kìm hãm sự phát triển của vùng ĐBSCL. "Tỷ lệ đầu tư hoàn thiện Hạ tầng giao thông nội vùng và liên vùng theo quy hoạch còn thấp; tỷ lệ đô thị hóa và tốc độ đô thị hóa của vùng ĐBSCL vẫn thấp hơn nhiều so với trung bình cả nước; hệ thống cơ tầng kỹ thuật Vùng còn yếu và thiếu đồng bộ; việc thu gom, xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải chưa có nhiều biến chuyển, tỷ lệ xử lý thấp và hầu hết vẫn đang sử dụng các công nghệ lạc hậu". ĐBSCL là một trong hai vùng có tỷ lệ đường quốc lộ so thấp nhất trong 7 vùng kinh tế, chiếm 10,9%, thấp hơn rất nhiều so với tỷ trọng diện tích, dân số cả nước. Hiện tại Vùng ĐBSCL mới chỉ có 90km đường cao tốc và 30km đang xây dựng. ĐBSCL cũng có chỉ số chất lượng đường quốc lộ thấp hơn mức bình quân cả nước và đứng thứ 2 từ dưới lên, chỉ cao hơn vùng Bắc Trung Bộ và thua cả Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. ĐBSCL chỉ có 6,7% chiều dài đường cao tốc cả nước, chỉ cao hơn Tây Nguyên và thấp hơn rất nhiều so với tỷ trọng diện tích, dân số cũng như đóng góp GDP của ĐBSCL cho cả nước.

Giao thông đường thủy nội địa đóng vai trò quan trọng ở ĐBSCL nhưng lại thiếu đầu tư và khai thác đúng mức. Do đó, dù ĐBSCL có hệ thống sông ngòi chằng chịt, với tổng chiều dài gần 28.000 km nhưng hiện nay vận tải thủy nội địa chỉ đóng vai trò tập kết, thu gom hàng hóa với quy mô rất hạn chế. Luồng tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu hiện nay mới chỉ đáp ứng cho tàu 10.000 tấn vận tải ra vào.

Giao thông đường sắt chưa được quy hoạch và xây dựng. Dự án đường sắt tốc độ cao TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ đã có quyết định phê duyệt quy hoạch từ năm 2013 nhưng chưa được triển khai.

Thứ tư, các hoạt động KTBD mới chỉ ở quy mô nhỏ, các sản phẩm dịch vụ KTBD còn nghèo nàn, đơn điệu, phát triển ở quy mô nhỏ. Nhìn tổng thể chưa có các tổ hợp vui chơi giải trí về đêm chất lượng và quy mô tầm khu vực. Các sản phẩm du lịch, dịch vụ còn chưa chuyên nghiệp. Ngay cả đối với Cần Thơ, Kiên Giang (Phước Quốc), mặc dù đã có những hoạt động KTBD, là những địa bàn đầy tiềm năng và lợi thế để phát triển KTBD, được đưa vào thí điểm phát triển KTBD theo Đề án tại Quyết định số 1129/QĐ-TTg của Chính phủ cũng chưa thực sự khai thác hết được tiềm năng KTBD của tỉnh, do đó chưa thể trở thành khu vực lõi cho cả Vùng ĐBSCL phát triển KTBD.

Thứ năm, về cơ chế, chính sách cho phát triển KTBD: các địa phương chưa có chiến lược hoặc kế hoạch riêng cho phát triển KTBD, thậm chí, các hoạt động phát triển KTBD vẫn chưa được tích hợp vào quy hoạch phát triển tổng thể của địa phương. Do vậy, gần như chưa có chính sách đầu tư và khuyến khích đầu tư chủ động, bài bản và đồng bộ để thúc đẩy hiệu quả tiềm năng KTBD.

Kết luận và hàm ý chính sách

Để phát triển KTBD ở ĐBSCL, cần chú trọng các nội dung sau:

Thứ nhất, đảm bảo phát triển KTBD ở ĐBSCL theo liên kết vùng, trong đó thành phố có tiềm năng phát triển KTBD nhất sẽ là đô thị lõi cho KTBD, các đô thị vệ tinh sẽ cung cấp dịch vụ và liên kết trong chuỗi hoạt động KTBD của vùng; Không phát triển KTBD riêng lẻ theo từng địa phương.

Thứ hai, KTBD là một nền kinh tế mang lại nhiều lợi ích, nhưng không đánh đổi việc phát triển các ngành, lĩnh vực đang là lợi thế của Vùng để chuyển sang KTBD.

Thứ ba, đảm bảo xây dựng quy hoạch toàn Vùng, đánh giá toàn diện, khách quan về lợi thế, khả năng, cơ hội, điểm yếu và thách thức; nguồn lực tài chính, nhân lực, vật lực để cân nhắc thực hiện hoặc quy hoạch khu KTBD một cách hiệu quả nhất. Cân nhắc việc quy hoạch riêng khu vực phát triển KTBD tại đô thị lõi, không quy hoạch rải rác, manh mún.

Thứ tư, đảm bảo phải có thời gian, có lộ trình thực hiện từng bước, đặt mục tiêu ngắn hạn để hoàn thành có hiệu quả. Trên cơ sở



đánh giá để có giải pháp thực hiện các bước tiếp theo.

Thứ năm, cơ sở hạ tầng toàn diện là quan trọng. Trong đó cần làm trước là cơ sở hạ tầng giao thông để kết nối các đô thị trong Vùng ĐBSCL với các Vùng lân cận. Lựa chọn sản phẩm, loại hình dịch vụ để cung cấp trong KTBD. Trong đó, mỗi đô thị lõi phải có sản phẩm đặc sắc, đa dạng, mang đặc trưng riêng của Vùng để thu hút khách du lịch tìm đến, đồng thời các đô thị vệ tinh phải có sản phẩm riêng của địa phương mình trong hành trình du lịch của du khách. Có thể nghiên cứu xây dựng chuỗi hành trình di sản Vùng ĐBSCL đi theo dòng lịch sử (từ tỉnh này sang tỉnh khác trong Vùng) kết hợp giữa các hoạt động du lịch của Kinh tế ban ngày với hoạt động du lịch của KTBD nhằm tạo ra sự thu hút khám phá, tìm hiểu đối với du khách.

Thứ sáu, về cơ chế, chính sách: Cần rà soát, hoàn thiện về thể chế cho hoạt động KTBD của Vùng, của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tham gia vào KTBD có điều kiện phát triển. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế gồm thể chế về tài chính – ngân sách địa phương trên cơ sở coi trọng các nguyên tắc của thị trường trong quá trình động viên, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính. Trên cơ sở Quyết định số 1129/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển KTBD tại Việt Nam, các địa phương trong Vùng cần đổi nguồn lực tài chính ngân sách của địa phương, cùng đưa ra các chính sách đầu tư, khuyến khích đầu tư một cách bài bản, đồng bộ để thu hút các nhà đầu tư từ khu vực tư nhân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng cho nền KTBD và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho nền KTBD.

Thứ bảy, đảm bảo những biện pháp can thiệp, hỗ trợ của chính quyền địa phương phải dựa trên nguyên tắc thị trường (cạnh tranh, công khai, minh bạch), sử dụng các công cụ phù hợp với thị trường cũng như đặc điểm hoạt động của từng nhóm đối tượng. Coi trọng xây dựng một môi trường kinh doanh về đêm lành mạnh, minh bạch, ổn định và đảm bảo an toàn, an ninh hơn là việc chú trọng vào xây dựng các chính sách ưu đãi tài chính cho một nhóm đối tượng nhưng lại thiếu các phân tích về lợi ích, chi phí một cách phù hợp.

Thứ tám, cơ chế hỗ trợ về tài chính (nếu triển khai) cho các đối tượng tham gia vào hoạt động KTBD cần phải được xây dựng dựa trên nguyên tắc “thương cho người làm tốt” với các cơ chế, giám sát thực thi phù hợp, không có sự khác biệt so với hoạt động kinh tế ban ngày, đều được đối xử bình đẳng, công bằng, không phân biệt. Các chủ thể đáp

ứng đủ điều kiện sẽ nhận được hỗ trợ. Chi hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh, người lao động tham gia hoạt động KTBD trong những trường hợp đặc biệt, hoặc khi nhận thấy cần tạo ra một đòn bẩy tài chính ban đầu để thúc đẩy nhanh phát triển KTBD.

Thứ chín, tập trung hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý đối với hoạt động KTBD để đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn, an ninh. Cần phải có một mô hình tổ chức quản lý KTBD tách biệt so với cơ quan chính quyền địa phương hiện hành. Mô hình tổ chức quản lý hoạt động KTBD nên là Hội đồng thành phố đêm hoặc mô hình Ủy ban. Theo đó, cơ cấu tổ chức gồm Chủ tịch (thành phố đêm), lãnh đạo phụ trách các văn phòng của thành phố đêm (Văn phòng phụ trách về văn hóa, giải trí; Văn phòng phụ trách về truyền thông; Văn phòng phụ trách về phát triển kinh tế; Văn phòng phụ trách về an ninh, trật tự công cộng, thiết kế đô thị...), phụ trách các mảng hoạt động gồm cả dịch vụ công ích, kinh doanh, truyền thông, giao thông và an ninh; phối hợp dưới sự chỉ đạo của người đứng đầu Hội đồng. Cơ cấu nhân sự theo cơ chế tuyển chọn, có sự tham gia quản lý của đại diện chính quyền địa phương, các hiệp hội (doanh nghiệp, ngành nghề, dân cư...) và lực lượng an ninh, bảo vệ.

Thứ mười, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, bảo đảm khoa học và đồng bộ. Phổ cập hệ thống camera giám sát tới từng nhà dân, các địa điểm công cộng; xây dựng phần mềm quản lý, báo cáo sự cố, điểm nóng trên các thiết bị di động thông minh. Thiết lập lực lượng phản ứng nhanh kết nối với mạng lưới thông tin chung của khu vực nhằm kiểm soát tổng thể, ứng phó khẩn cấp.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), *Đề án phát triển Kinh tế ban đêm ở Việt Nam*;
2. Andy Lovatt & Justino' Connor (1995), *Cities and the Night-time Economy, Planning Practice and Research, Vol. 10, No. 2, 1995*;
3. Andreina Seijas (2018). *A guide to managing your night time economy. Sound Diplomacy, London*;
4. Currid, E. (2007). *The Warhol Economy: How Fashion, Art and Music Drive New York City. New York City: Princeton University Press*;
5. Backgroundfile-113763 – *Night-time *Economy Report: Jurisdictional Review*

Thông tin tác giả:

PGS., TS. Phạm Tiến Đạt - Trường Đại học Tài chính - Marketing
Email: phamtiendat@ufm.edu.vn